UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành: Giáo dục mầm non
Trình độ: Cao đẳng
Mã ngành: 5140201

1. Thông tin chung về CTĐT:

- Trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Hồng Đức.
- Trường Đại học Hồng Đức được Trung tâm Kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học cấp quốc gia (2017); Tổ chức NQA và tổ chức BVQA đánh giá và công nhận QMS ISO 9001 (2007, 2013, 2017).
- Tên gọi của văn bằng: *Cử nhân Giáo dục mầm non*
- Tên CTĐT: Cao đẳng Giáo dục mầm non

2. Tóm tắt mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

2.1. Mục tiêu đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trình độ cao đẳng có đầy đủ những phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non và yêu cầu đổi mới GDMN.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ pháp luật, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, người học sau khi tốt nghiệp sẽ có:

*. *Kiến thức*

+ Lý thuyết chung về chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, khoa học xã hội, tự nhiên làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các môn chuyên ngành.

+ Kiến thức về chăm sóc trẻ và kiến thức về phương pháp chăm sóc trẻ dưới 6 tuổi (bao gồm kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lứa tuổi mầm non; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng bệnh, đảm bảo an toàn và xử lí ban đầu các bệnh và tai nạn cho trẻ mầm non);

+ Kiến thức về khoa học tâm lý, giáo dục mầm non, ngôn ngữ, văn học, tiếng việt, mỹ thuật;

+ Kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức kế hoạch giáo dục trẻ mầm non

+ Kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo từng độ tuổi để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

*. *Kỹ năng*

+ Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn để phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non;

+ Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và các kỹ năng chuyên biệt đáp ứng được yêu cầu đặc thù của ngành học;

+ Kỹ năng phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ em;

+ Tổ chức thành thạo các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ; ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ;

+ Quản lý lớp học có hiệu quả theo nhóm, lớp; quản lý hồ sơ, sổ sách; sắp xếp bảo quản đồ dùng đồ chơi;

+ Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ.

* *Về thái độ*

+ Sinh viên tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ và nghề GVMN. Có ý thức vận động sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

+ Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng và có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho trẻ; có văn hóa giao tiếp; đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp trong chuyên môn; quan hệ tốt với cha mẹ trẻ và cộng đồng, có ý thức vận động cộng đồng và cha mẹ trẻ tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục trẻ, thực hiện xã hội hóa giáo dục.

+ Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành GDMN.

* *Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

+ Năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Giáo dục mầm non; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

+ Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường, hoàn cảnh làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non; các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm; Các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non; Các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt khác;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực Giáo dục mầm non.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp.

+ Có năng lực đánh giá và tự đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp của bản thân, đồng nghiệp, cơ sở giáo dục mầm non

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Giáo dục mầm non.

2.2. Chuẩn đầu vào

- Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)

- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành (được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm): Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia hoặc sử dụng kết quả học tập THPT hoặc kết hợp cả kết quả thi THPT quốc gia và kết quả học tập THPT.

- Về tổ hợp xét tuyển: Toán, Văn, Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)

2.3. Chuẩn đầu ra

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp ngành GDMN, trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

Kiến thức

- Có kiến thức thực tế, toàn diện trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non;

- Có kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non, bao gồm kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lứa tuổi mầm non; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng bệnh, đảm bảo an toàn và xử lí ban đầu các bệnh và tai nạn cho trẻ mầm non;

- Có kiến thức về hoạt động giáo dục trẻ mầm non gồm: Giáo dục phát triển thể chất, giáo dục phát triển ngôn ngữ, giáo dục phát triển nhận thức, giáo dục phát triển thẩm mĩ, giáo dục phát triển kỹ năng xã hội; kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non;

- Kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp.

- Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học, xã hội, chính trị và pháp luật.

Kĩ năng

- Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động giáo dục mầm non nói riêng.

- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp, giải quyết các công việc trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

- Kỹ năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động giáo dục mầm non nói riêng.

- Kỹ năng chăm sóc trẻ mầm non: Tổ chức, thực hiện được chế độ dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng trẻ; Xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ; kỹ năng xử lý các tai nạn thường gặp cho trẻ, kỹ năng phòng bệnh cho trẻ…; Kỹ năng phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ em

- Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo từng độ tuổi

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ.

- Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới các đồng nghiệp tại các cơ sở GDMN, các trung tâm chăm sóc trẻ, các tổ chức có liên quan đến chăm sóc và GD trẻ;

- Đạt 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

- Kỹ năng về công nghệ thông tin ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp.

Thái độ

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi

- Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

- Đánh giá chất lwongj công việc sau khi hoàn thành

- Tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ và nghề nghiệp; Có ý thức vận động sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

- Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tu dưỡng nhằm đạt được chuẩn nghề nghiệp và thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành GDMN.

- Tiếng Anh:

+ Giao tiếp được bằng Tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc liên quan đến chuyên môn ngành Giáo dục mầm non;

+ Hiểu và dịch được các tài liệu chuyên môn ngắn, đơn giản;

+ Trình bày (nói và viết) được báo cáo chuyên môn ngắn, đơn giản bằng tiếng Anh;

+ Đạt chuẩn Tiếng Anh theo thông tư 01/2014/ TT-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng BGDĐT về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Quyết định số 1757/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

- Công nghệ thông tin:

+ Sử dụng thành thạo máy tính trong việc soạn thảo văn bản, trình chiếu, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin và xử lý thống kê kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục mầm non;

- Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, quản lý thời gian, làm việc nhóm

3. KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP (của người tốt nghiệp)

- Giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non

- Tham gia các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

- Làm việc tại các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt khác

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục mầm non -
Tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo, khóa học

- Chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ Đại học đào tạo gồm 33 học phần(Bao gồm cả thực tế, Thực tập, Kiến tập, Khóa luận TN - tương đương 90 tín chỉ), trong đó có 26 học phần bắt buộc (72 tín chỉ) và 7 học phần thay thế/tự chọn (18 tín chỉ) , được phân bổ trong 6 học kỳ (kỳ 1: gồm 7 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 5 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 3: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 5 gồm 5 học phần 12 tín chỉ ; Kỳ 6 gồm 3 học phần 13 tín chỉ)
- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 5 học phần (12 tín chỉ)
- Khối kiến thức Ngoại ngữ gồm 2học phần (7 tín chỉ)
- Khối kiến thức Khoa học xã hội gồm 2. học phần (4 tín chỉ)
- Khối kiến thức Toán, tin học, khoa học tự nhiên gồm 4 học phần (8 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở gồm 7 học phần (19 tín chỉ)
- Khối kiến thức chung của ngành gồm 2 học phần (7 tín chỉ)
- Khối kiến thức chung ngành gồm 8 học phần (21 tín chỉ)
- Khối kiến thức thực tập, kiến tập, thực tế, KLTN gồm 3 học phần (12 tín chỉ)

4. Ma trận hồ sơ năng lực

4.1. Vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học

a) Các học phần với việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình.

TT	KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG (NĂNG LỰC)	MÔ TẢ	HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG
1	Phẩm chất chính trị	Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lí luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; thực hiện nghĩa vụ công dân;	[1], [2] Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin P1, P2 [5] Pháp luật đại cương [4] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam [IV] Giáo dục thể chất [V] Giáo dục quốc phòng
2	Đạo đức nghề nghiệp	Yêu nghề, gắn bó với nghề; chấp hành luật công chức, điều lệ, quy chế, quy định của nhà nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của người công chức; người	[3] Tư tưởng Hồ Chí Minh [5] Pháp luật ĐC [24a] Nghề giáo viên mầm non

		Việt Nam khi làm việc với các tổ chức nước ngoài sống trung thực lành mạnh, là tấm gương tốt cho các công dân khác	
3	Giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội	- Biết gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp thể hiện ở sự cởi mở, tôn trọng chân thành, thiện chí trong giao tiếp ứng xử; - Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; - Biết hợp tác cùng chịu trách nhiệm và chia sẻ kinh nghiệm trong tư vấn và quản lí nhà nước.	[11] Tâm lí học đại cương [12] Giáo dục học đại cương [24a] Nghề giáo viên mầm non
4	Ứng xử với đồng nghiệp	Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu chăm sóc trẻ trong trường MN.	[3] Tư tưởng Hồ Chí Minh [24a] Nghề giáo viên mầm non
5	Năng lực tìm hiểu môi trường làm việc	Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào giải quyết các công việc .	[24a] Nghề giáo viên mầm [20] Tâm lí học Mầm non [21] Giáo dục học Mầm non
6	Năng lực tổ chức, trình bày báo cáo; xây dựng văn bản	- Biết thiết kế một cuộc đánh giá trong lĩnh vực nghề nghiệp: Xác định mục đích và mục tiêu; xác định nội dung đánh giá; xây dựng các tiêu chí đánh giá; lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá; Biết xây dựng các loại văn bản đúng quy định.	[10] Tin học. 24a] Nghề giáo viên mầm non [20] Tâm lí học Mầm non [21] Giáo dục học Mầm non
7	Năng lực sử dụng Ngoại ngữ	Đạt được trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3.2, theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.	[8], [9], Tiếng Anh 1,2,
8	Năng lực sử dụng tin học	Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Office World, Excel trong việc soạn thảo văn	[10] Tin học [44] Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non.

		bản, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin, xử lý số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu; Có chứng chỉ tin học trình độ B theo qui định của Bộ CNTT&TT.	
	Kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non		
7	Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non	Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ lứa tuổi mầm non. Về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non; Có kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ. Hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ; Có kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ;	[20] Tâm lý mầm non [22] Sinh lý vệ sinh trẻ em [21] Giáo dục học mầm non [24a] Nghề giáo viên mầm [23b] Bệnh trẻ em
8	Kiến thức cơ sở chuyên ngành.	Kiến thức về phát triển thể chất;	[22] Sinh lý vệ sinh trẻ em [26a] Dinh dưỡng trẻ em [23a] Sức khỏe sinh sản [33] Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em [23b] Bệnh trẻ em
		Kiến thức về hoạt động vui chơi;	[20] Tâm lý học MN [21] Giáo dục học MN [31] Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em
		Kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học;	[18] Mĩ thuật cơ bản [19] Âm nhạc cơ bản [25a] Âm nhạc nâng cao [25b] Đàn Organ – chỉ huy dàn dựng [6b] Đại cương về VH Việt Nam [6a] Văn học dân gian
		Có kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ	[7] Tiếng Việt [29] Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em [39a] Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ [
9	Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa	Có kiến thức về phương pháp phát triển thể chất cho trẻ; phát triển tình cảm – xã hội và	[22] Sinh lý vệ sinh trẻ em [32] Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em Vệ sinh trẻ em

	tuổi mầm non.	thẩm mỹ cho trẻ;	[26a] Dinh dưỡng trẻ em [23b] Bệnh trẻ em [27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em [30} Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học [32] Lý luận và PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
		Có kiến thức về phương pháp tổ chức hoạt động chơi cho trẻ; Có kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội; Có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác; Có kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục.	20] Tâm lý học mầm non [21] Giáo dục học mầm non 27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em [30} Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học [32] Lý luận và PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh [10] Tin học [8,9] Tiếng Anh [34] Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non
	KỸ NĂNG SƯ PHẠM		
10	Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.	Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học thể hiện mục tiêu và nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ của lớp mình phụ trách;	[26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN [34] Ứng dụng CNTT trong GDMN 27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em [30} Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học [32] Lý luận và PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
		Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo tháng, tuần;	[26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN [34] Ứng dụng CNTT trong GDMN 27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em

			[30} Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học [32] Lý luận và PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
11	Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khoẻ cho trẻ.	Biết tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ;	[26a] Dinh dưỡng trẻ em [23b] Bệnh trẻ em [26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN
		Biết tổ chức giấc ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ;	[26a] Dinh dưỡng trẻ em [23b] Bệnh trẻ em [26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ Mn [33] Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em
		Biết hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ; Biết phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.	[26a] Dinh dưỡng trẻ em [23b] Bệnh trẻ em [26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ Mn [33] Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em
11	Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ	Biết tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ;	[34] Ứng dụng CNTT trong GDMN 27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em [30} Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học [32] Lý luận và PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
		Biết sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi (kể cả đồ dùng, đồ chơi tự làm) và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ;	[38a] Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi [31 Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em [32] Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ [29 PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em [27] Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em [28] Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ em {30] Lý luận và PP cho trẻ làm quen

			TP văn học [39b] Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non
		Biết quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp	[24a] Nghề GVMN
12	Kỹ năng quản lý lớp học	Đảm bảo an toàn cho trẻ;	[23b] Bệnh trẻ em [26b] Tổ chức thực hành Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ Mn
		Quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp;	26a] Nghề GVMN [34] Ứng dụng CNTT trong GDMN
		Sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc, giáo dục	[38a] Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi
13	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm;	[24a} Nghề GVMN [20] Tâm lý học mầm non
		Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn;	[30a] Nghề GVMN [20] Tâm lý học mầm non
		Gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ;	[24a] Nghề GVMN [20] Tâm lý học mầm non
		Giao tiếp, ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.	[24a] Nghề GVMN

b) Năng lực đạt được của người học sau khi học học phần

Sử dụng mô tả học phần trong CTĐT đã được phê duyệt dưới dạng bảng sau

TT	Tên học phần	Năng lực đạt được
1	Những NLCB bản của CN Mác-Lênin 1	Sinh viên có khả năng nhận thức và cải tạo thế giới một cách đúng đắn; biết vận dụng nguyên lý, quy luật để giải quyết những vấn đề thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả.
2	Những NLCB bản của CN Mác-Lênin 2	Sinh viên trình bày được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế, các quy luật kinh tế chi phối nền kinh tế hàng hóa; hiểu được bản chất quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là bóc lột giá trị thặng dư, các quy luật kinh tế của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa; có được phương pháp luận khoa học để giải quyết được các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đặt ra trong đời sống xã hội
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên nâng cao được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; vận dụng

		được kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra
5	Pháp luật đại cương	Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.
6a	Văn học dân gian	Sinh viên vận dụng được một số thể loại văn học dân gian vào thực tế giảng dạy, gắn kiến thức lý thuyết với thực tế đời sống, giáo dục đạo dức cho trẻ Mầm non.
6b	Đại cương về văn học Việt Nam	Sinh viên phân tích – tổng hợp được các giai đoạn văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; năng lực tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm văn học; năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học; từ đó, vận dụng vào việc dạy trẻ mầm non đọc, kể tác phẩm văn học..
7	Tiếng Việt	Sinh viên sử dụng được tiếng Việt như một công cụ để giao tiếp, để tư duy; so sánh tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác; đồng thời sử dụng tiếng Việt như một công cụ để học tốt các môn học khác.
8	Tiếng Anh 1	Sinh viên đạt năng lực bậc 2.2 theo KNLNNVN. Người học hiểu và thực hành được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân,hỏi đường, việc làm ...); mô tả được đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; khai thác được thông tin bằng tiếng Anh trên Internet để phục vụ công việc học tập.
10	Tin học	Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.
11	Tâm lý học đại cương	Sinh viên có khả năng nhận nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như có phương hướng hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách cho

		chính bản thân mình để phù hợp với cuộc sống cũng như hoạt động nghề nghiệp.
12	Giáo dục học đại cương	Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục trẻ ở trường mầm non
13	Quản lý HCNN & QLGD	Sinh viên có khả năng thực hiện và đánh giá các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.
14	Toán cơ sở	Sinh viên chứng minh được các đẳng thức tập hợp; Chứng minh một tập hợp là một tập tương đương hay tập sắp thứ tự; Xây dựng, chứng minh các ánh xạ là những đơn ánh, toàn ánh, song ánh, ... Các bài toán đếm; Xây dựng dãy số tự nhiên và chuyển đổi cơ số giữa các hệ đếm. Các bài toán về suy luận lô gíc và thống kê toán. Đồng thời sinh viên có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức toán cơ sở vào quá trình dạy học toán cho trẻ mầm non.
	Giáo dục thể chất	
15	Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)	Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào…..
16	Giáo dục thể chất 2 (Học phần tự chọn)	
	Chọn 1 trong 5 học phần	
a	Bóng chuyền	Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.
b	Thể dục Aerobic	Sinh viên thực hành thành thạo các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc; tự rèn luyện nâng cao thể chất.

c	Bóng đá	Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.
d	Bóng rổ	Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.
e	Vovinam - Việt võ đạo	Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.
18	Mỹ thuật	Sinh viên vẽ được kí họa phong cảnh, con vật, nhóm người đơn giản, biết pha màu, sử dụng màu sắc một cách hài hòa trong việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang trí trường lớp mầm non sau này.
19	Âm nhạc (KT cơ bản)	SV biết vận dụng kiến thức vào thực hành âm nhạc. Kĩ năng cơ bản x□ớng âm ghép lời các bài hát của trẻ mầm non các giọng Đô tr□ởng, Son tr□ởng, Pha tr□ởng, La thứ, Mi thứ, Rê thứ. Kĩ năng cơ bản thể hiện bài hát và hát các bài dân ca các miền Việt Nam, thực hành các tổ hợp múa dân gian Việt Nam. Kĩ năng thực hành và biên soạn múa và vận động theo nhạc cho trẻ mầm non.
20	Tâm lý học MN	Người học sử dụng được các phương pháp khác nhau để nghiên cứu sự phát triển tâm lý trẻ mầm non; Đưa ra được các biện pháp phát triển phù hợp với từng điều kiện và quy luật phát triển tâm lý trẻ; Đề xuất được các cách thức để phát triển toàn diện tâm lý, nhân cách cho trẻ thông qua việc xác định được hoạt động chủ đạo, đặc điểm phát triển nhận thức, nhân cách…tương ứng với từng giai đoạn tuổi. Đồng thời chuẩn bị được về mặt tâm lý cho trẻ để trẻ thích nghi với môi trường Tiểu học.
21	Giáo dục học MN	Sinh viên tổ chức được chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; Tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non.
22	Sinh lý – Vệ sinh trẻ em	Học phần rèn cho sinh viên có kỹ năng tự đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn tuổi, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh cũng như đề xuất được các biện pháp để

		nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dự báo sự phát triển toàn diện đối với trẻ mầm non.
23a	Bệnh trẻ em	Sinh viên tổ chức thực hành xử trí được dưới các tình huống về các bệnh lý mà trẻ dễ mắc phải; thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ tự phòng tránh bệnh tật.
23b	Sức khỏe sinh sản	Sinh viên có kỹ năng tư vấn, truyền thông về sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mầm non
24a	Nghề giáo viên MN	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN (với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp...); năng lực thực hiện một số kỹ năng nghề (múa, hát, tổ chức hoạt động giáo dục mầm non theo từng độ tuổi như: hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động...); có kỹ năng kỹ năng sử dụng các phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ hàng ngày hoặc theo giai đoạn.
25a	Âm nhạc (KT nâng cao)	Sinh viên có kỹ năng thực hành âm nhạc: Ký xướng âm và hát. Nâng cao kỹ năng thực hành, biên soạn múa cho trẻ MN.
25b	Đàn Organ- chỉ huy dàn dựng.	Sinh viên có kỹ năng thực hành các bài tập C Dur, F Dur, G Dur. Kỹ thuật cơ bản về dàn dựng và chỉ huy hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.
31a	Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học	Sinh viên có khả năng tổ chức các hoạt động bổ trợ quá trình dạy học toán cho trẻ, ứng dụng chúng vào việc tổ chức các hoạt động nhận thức hình thành các biểu tượng toán cho trẻ
31b	Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non	Sinh viên có kỹ năng tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động giúp trẻ làm quen với toán, đặc biệt áp dụng trong các hoạt động làm quen với toán cho trẻ mầm non.
32a	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	Sinh viên phân tích, tổng hợp, đánh giá việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, có năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, biết thiết kế và xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. Từ đó, sinh viên biết mô tả đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non**.**
32b	Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	Sinh viên đọc, kể diễn cảm được tác phẩm văn học, dạy trẻ đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, lựa chọn và chuyển thể tác phẩm thành kịch bản dành cho trẻ mẫu giáo; tổ chức hoạt động đọc, kể diễn cảm

		cho trẻ ở trường mầm non.
33a	Mĩ thuật 2 (KT nâng cao)	Sinh viên thành thạo kỹ năng xé, cắt dán để trang trí lớp học có giá trị thẩm mỹ, khoa học, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của trẻ. Biết hướng dẫn các kỹ năng năng nặn, vẽ, xếp dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình một cách chính xác, phù hợp và dễ hiểu. Tổ chức tốt các hoạt động tạo hình ở trường MN.
33b	Mĩ thuật ứng dụng	Sinh viên làm được đồ dùng dạy học đạt yêu cầu về bố cục hợp lý, màu sắc hài hòa tươi sáng, trang trí được lớp phù hợp với nhận thức của trẻ. Dạy trẻ biết thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật, khơi gợi tình yêu thiên nhiên đất nước thông qua các sản phẩm tạo hình. Hình thành hứng thú học tập làm tăng khả năng sáng tạo ở trẻ, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ trong giáo dục trẻ mầm non.
26a	Dinh dưỡng trẻ em	Sinh viên có kỹ năng chế biến thức ăn, kỹ năng tổ chức ăn uống cho trẻ một cách khoa học, đáp ứng nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho trẻ theo từng lứa tuổi nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện.
26b	Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Sinh viên có kỹ năng thực hành vệ sinh - dinh dưỡng; nội dung và kết quả mong đợi cho từng độ tuổi của trẻ mầm non; phương pháp, biện pháp tổ chức thực hành vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ; Qui trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục dinh dưỡng - vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non. Tổ chức tham quan, tìm hiểu các hoạt động vệ sinh – dinh dưỡng tại các trường Mầm non. Thiết kế và tổ chức thực hành giáo dục ý thức tự vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ.
27	Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non	Sinh viên biết cách thức xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cụ thể của từng chủ đề trong năm, xây dựng môi trường giáo dục hợp lý. Thành thạo việc soạn giáo án và thực hiện tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non đáp ứng các yêu cầu mới của giáo dục hiện đại theo hướng tiếp cận khoa học, phát huy tính tích cực, sáng tạo hướng vào trẻ em.
28	PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ mầm non	Sinh viên có năng lực tổ chức thực hành các bài múa và ứng dụng biên soạn múa và VĐTN cho trẻ Mầm non, thể hiện tốt các bài hát ru, tập dân ca. Tổ chức tốt các hoạt động Âm nhạc ở tr□ờng Mầm non.
29	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0 – 6 tuổi, năng lực lập kế hoạch giúp trẻ luyện phát âm đúng phát triển từ, nói đúng ngữ pháp và diễn đạt mạch lạc; có năng lực lập kế hoạch dạy trẻ 5-6 tuổi làm quen với chữ cái. Tổ chức tốt các hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường MN.

30	Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học	Sinh viên lựa chọn được tác phẩm phù hợp với tuổi mầm non theo các chủ đề trong năm học, năng lực phân tích và đánh giá tác phẩm văn học, năng lực lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm. văn học ở các độ tuổi mầm non.
31	Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	Sinh viên sáng tạo vận dụng được các nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học toán cho trẻ vào việc giải quyết hệ thống các câu hỏi và bài tập thực hành của học phần cũng như trong quá trình kiến tập, thực tập dạy học toán cho trẻ mầm non; thành thạo, linh hoạt và sáng tạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động bổ trợ quá trình dạy học toán cho trẻ.
32	Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ	Sinh viên tổ chức được các hoạt động cho trẻ khám môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay; có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh.
33	Lí luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em	Sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi nhằm giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non.
34	Ứng dụng CNTT trong GDMN	Sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế tư liệu giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả Internet phục vụ các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
35	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	Sinh viên làm được đồ dùng dạy học, đồ chơi, biết tính kiên nhẫn, khéo léo, sáng tạo khi vận dụng các nguyễn vật liệu khác nhau để làm đồ chơi. Biết cách phối hợp hiệu quả giữa đồ chơi với trò chơi (kể cả đồ dùng dạy học, đồ chơi công nghiệp và đồ chơi tự làm). Biết xắp xếp bảo quản đồ chơi làm tăng giá trị sử dụng cũng như đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ khi chơi.
36	Xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Sinh viên thiết kế được lớp học đảm bảo về cơ sở vật chất có tính thẩm mỹ cao, có công năng sử dụng khoa học, gọn gàng, có không gian phù hợp nội dung, biết trang trí lớp học rõ ràng theo mỗi chủ đề, làm được đồ dùng dạy học bằng chất các chất liệu, vẽ, nặn, xé cắt dán, biết làm một số đồ chơi đơn giản bằng giấy, biết xắp xếp bảo quản cơ sở vật chất, môi trường trong lớp học .
37	Tổ chức các	Sinh viên tổ chức thành thạo các hoạt động phát triển ngôn ngữ:

	hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ	hoạt động luyện phát âm đúng, hoạt động phát triển từ; hoạt động dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc, hoạt động làm quen với chữ cái cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi.
38	Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non	Sinh viên xây dựng được môi trường chữ viết trong trường mầm non ; năng lực khai thác các hoạt động trong trường mầm non giúp trẻ hình thành kỹ năng tiền đọc, viết ; năng lực tổ chức hoạt động dạy trẻ làm quen với chữ cái.
39	Kiến tập sư phạm	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục.
40	Thực tập sư phạm	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp của GVMN: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở bậc mầm non theo độ tuổi; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục. Kỹ năng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

4.2. Các luận giải:

a) CTĐT Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng được xây dựng dựa trên đặc trưng ngề nghiệp của GVMN, nhiệm vụ và quyền hạn của GVMN. Đặc biệt việc lựa chọn các học phần vào CTĐT có cơ sở từ chuẩn nghề nghiệp của GVMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định và thực tiễn công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

b) Các luận giải bảo vệ cấu trúc chương trình: Cấu trúc chương trình đảm bảo khoa học, lo gic; phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của GVMN. Cụ thể các học phần thuộc khối kiến thức đại cương thực hiện trước; tiếp đến là các học phần thuộc khối cơ sở ngành giúp cho SV có cơ sở lý luận để hình thành kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu về các lĩnh vực phát triển của trẻ. học phần nào học trước; cuối cùng là các học phần chuyên ngành nhằm hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp của GVMN.

c) Các luận giải cho việc đáp ứng các tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đại học của CTĐT đã xây dựng

5. Các phụ lục

5.1. Bản CTĐT được phê duyệt (theo Quyết định số 1945/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/10/2017);

5.2. Bộ Đề cương chi tiết các học phần (trong mỗi đề cương chi tiết học phần quy định cụ thể về giáo trình tài liệu tham khảo; hình thức, phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập);

5.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Tổng hợp góp ý về chuẩn đầu ra, Phiếu góp ý chuẩn đầu ra của các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, nhà khoa học, người tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên);

5.4. Hồ sơ xây dựng CTĐT (Bản tổng hợp góp ý về CTĐT, Phiếu góp ý về CTĐT của các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, nhà khoa học, người tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên);

5.5. Hồ sơ tham khảo các CTĐT tiên tiến (Báo cáo tổng hợp về việc tham khảo các CTĐT tiến tiến vào xây dựng CTĐT, minh chứng CTĐT tiên tiến đã tham khảo./.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG	**ĐƠN VỊ MÔ TẢ CTĐT**
PGS.TS. Nguyễn Mạnh An	**Khoa GDMN**